

Bản án số: 361/2017/DS-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy –
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1966; địa chỉ: 1144/10 đường P, khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm 1973; địa chỉ: 9/24B1 đường T, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 1144/2 khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Công T, sinh năm 1963; địa chỉ: 1144/2 khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà là Di họ của ông T – chồng bà N (bà N gọi bà H là Di bảy H). Do có mối quan hệ họ hàng nên bà H đã nhiều lần cho bà N vay tiền mà không có lãi suất, cụ thể như sau:

- Ngày 30/6/2012 bà N có vay của bà số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Việc vay mượn có làm “Giấy mượn tiền”, thỏa thuận khi nào bà H cần lấy lại tiền cho vay thì báo trước bà N 01 (một) tháng.

- Ngày 30/7/2012 bà N tiếp tục vay của bà H thêm 6.000.000đ (sáu triệu đồng) - ghi tiếp vào Giấy mượn tiền ngày 30/6/2012 nhưng không xác định thời hạn vay.

- Ngày 12/10/2012 bà N vay thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) – ghi tiếp vào Giấy mượn tiền ngày 30/6/2012 nhưng không ghi thời hạn trả.

- Ngày 12/12/2012, bà H có đứng tên trên hộ nghèo để vay tiền của Quỹ Người nghèo rồi cho bà N vay lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Lần cho vay này không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau.

Như vậy, bà H xác định trong Giấy vay tiền ngày 30/6/2012 thể hiện bà đã cho bà N vay nhiều lần với tổng số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho vay nhưng không có giấy tờ.

Từ khi vay tiền cho đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu bà N trả, đến ngày 16/11/2016, bà H đã gửi Thông báo bằng văn bản yêu cầu bà N trả hết số tiền nợ nhưng đến nay bà N vẫn không trả.

Tại Đơn khởi kiện ngày 26/12/2016, bà H yêu cầu bà N phải trả cho bà tổng số tiền đã vay là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N phải trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu bà N phải trả số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà bà H đã đứng ra vay tiền của Quỹ Người nghèo vì số tiền này bà H đã trả xong cho Quỹ Người nghèo.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 01/8/2017 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Công T đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2017/QĐST-DS ngày 15/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2017/QĐST-HPT ngày 01/9/2017 nhưng bà N và

ông T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc N cư trú tại 1144/2 khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) phải trả lại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo “Giấy vay tiền” ngày 30/6/2012 thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015.

2. Về hình thức:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Công T mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi

Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ngày 30/7/2012 được ký kết giữa các đương sự đủ căn cứ để xác định bà H có cho bà N vay tiền làm nhiều lần với tổng số tiền được thể hiện trong Giấy mượn tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không có xác định rõ thời hạn phải trả, chỉ xác định khi nào nguyên đơn muốn đòi lại tiền đã cho vay thì phải báo trước cho bị đơn trong thời hạn 01 tháng.

Căn cứ vào Giấy yêu cầu trả nợ ngày 16/11/2016 của nguyên đơn gửi cho bị đơn bằng đường bưu điện chuyển phát nhanh số 756100 ngày 16/11/2016, yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ trong thời hạn 01 tháng, hạn cuối phải trả là vào ngày 29/12/2016 thì nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã vay theo Giấy mượn tiền ngày 30/7/2012 là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), trả làm 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án,
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T .

Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc N phải trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), trả làm 01 (một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bà N chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/07442 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Chí Hiếu